TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 153/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

2. Ông Tô Đình Phương.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*:

1.1. Nguyên đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt).

1.2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt).

2. *Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau*:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về quan hệ con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị T và anh Nguyễn Văn H có 04 (bốn) con chung: Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2006; Nguyễn Thị Như M, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2008; Nguyễn Thị Bảo H, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2015 và Nguyễn Thị Hồng L, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2017. Khi ly hôn, giao 04 (bốn) con chung cho chị Lý Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh Nguyễn Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. Về quan hệ tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị Lý Thị T, anh Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L thống nhất:

2.3.1. Giao cho chị Lý Thị T: 01 con bò, 01 bộ bàn ghế (01 bàn, 08 ghế), 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 02 chiếc xe máy: 01 xe máy biển số 77EN3-5363 và 01 chiếc xe máy biển số 77E1-300.96 trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (số tài sản này chị T đang quản lý).

2.3.2. Giao cho bà Nguyễn Thị L trọn quyền sử dụng và sở hữu có 01 ngôi nhà cấp 4, tường rào cổng ngõ xây dựng trên thửa đất số 38a, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Nguyễn Thị L (hộ bà Nguyễn Thị L gồm bà L và chị Lý Thị T).

2.3.3. Bà Nguyễn Thị L giao cho anh Nguyễn Văn H và chị Lý Thị T mỗi người 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng chẵn) các bên đã giao nhận xong tại Tòa.

2.3.4. Chị Lý Thị T giao cho anh Nguyễn Văn H 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng chẵn) các bên đã giao nhận xong tại Tòa.

3. *Về án phí HNST*:

3.1. Chị Lý Thị T tự nguyện chịu 2.500.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước, chị T đã nộp án phí khởi kiện xin ly hôn 600.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0011162 ngày 23 tháng 7 năm 2021 và biên lai thu tiền số 0011313 ngày 23 tháng

02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định nay được khấu trừ và chị T còn phải nộp 1.900.000 đồng.

3.2. Anh Nguyễn Văn H tự nguyện chịu 2.500.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước, anh H đã nộp án phí khởi kiện chia tài sản 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0011284 ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ và anh H còn phải nộp 2.200.000 đồng.

3.3. Bà Nguyễn Thị L (là người già có đơn xin miễn án phí) không phải chịu án phí.

4. Về chi phí định giá tài sản hết 4.000.000 đồng, chị T tự nguyện chịu 4.000.000 đồng, chị Tiến đã nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản 4.000.000 đồng nay được khấu trừ.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Đức